

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **270/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 07-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận.

Ông Huỳnh Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 457/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị P, sinh năm 1972; cư trú tại khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam C; địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2017 và biên bản hòa giải ngày 16-11-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lâm Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh Đặng Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân

vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến chị P yêu cầu ly hôn với anh T là do anh T đã bị kết án và đang chấp hành án tại trại giam C, chị P không còn tình cảm với anh T. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị P và anh T có 03 con chung là Đặng Trường G (nam), sinh năm 1995, Đặng Kim N (nữ), sinh năm 1998 và Đặng Tuyên V (nữ), sinh ngày 02-12-2002. Cháu G và cháu N hiện đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P rút lại yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V; sau khi ly hôn chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 16-11-2017, bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của chị P về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Có 03 người con chung đúng như chị P trình bày. Cháu Đặng Trường G và Đặng Kim N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T thống nhất tự thỏa thuận với chị P về việc nuôi dưỡng cháu Đặng Tuyên V, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh T thống nhất với chị P xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Anh T đã có hành vi giao cấu với trẻ em nên bị kết án tù và người bị hại là con ruột của anh T nên chị P không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung tự thỏa thuận; trong quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không có nợ người khác và không ai nợ lại chị P và anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Căn cứ Điều 14 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị P và anh T là vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị P và anh T tự thỏa thuận nuôi dưỡng cháu V; tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại Biên bản hòa giải ngày 16-11-2017, anh Đặng Văn T đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân được sự thống nhất của gia đình thân tộc và có tổ chức lễ cưới. Tuy chị P và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống cho đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Hiện nay Đặng Trường G và Đặng Kim N đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất, khả năng nhận thức bình thường và có cuộc sống riêng. Chị P rút lại yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Tuyên V; sau khi ly hôn, chị và anh T tự thỏa thuận nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị P và anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lâm Thị P và anh Đặng Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Lâm Thị P và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận nuôi dưỡng cháu Đặng Tuyên V (nữ), sinh ngày 02-12-2002.

3. Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị P phải chịu 300.000 đồng, ngày 10 tháng 10 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007362 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lâm Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út